

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205 0535
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____

EXIT VISA: _____ Yes _____ No _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN KHẮC TẤT
Last Middle First

Current Address xã Lạc An, h. Tân Uyên, t. SÔNG BÈ.

Date of Birth Feb. 25th 1944 Place of Birth Bắc Giang.

Previous Occupation (before 1975) Captain. Bat. Com. 53rd Arty. Bn.
(Rank & Position) 5th Div.

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Apr. 30th 1975 To May 28th 1981.

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Relationship

NGUYEN KHOE

PHOENIX ARIZONA Cousin.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

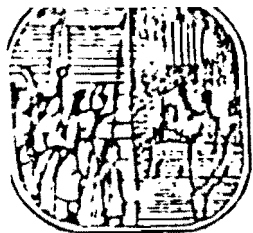
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ HUỠNG	1953	Wife
NGUYỄN KHẮC KHÔI NGUYỄN	1973	Son
NGUYỄN KHẮC KHÔI SƠN	1974	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI PHÒNG	1982	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI HÙNG	1984	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

No.

ADDITIONAL INFORMATION :

- 1 I.D. Card (photo)
- 1 Release cert. (photo)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL # _____

I-171 : _____ Yes _____

EXIT VISA : _____ Yes _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN KHẮC TẤT
Last Middle First

Current Address xã Lạc An, h. Tân Uyên, t. SÔNG BÉ.

Date of Birth Feb. 25th 1944 Place of Birth Bắc Giang.

Previous Occupation (before 1975) Captain, Bat. Com. 53rd Arty. Bn.
(Rank & Position) 5th Div.

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Apr. 30th 1975 To May 28th 1981.

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN KHOE</u>	
<u>PHOENIX ARIZONA</u>	<u>Cousin.</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
LÊ THỊ HUỠNG	1953	Wife.
NGUYỄN KHẮC KHÔI NGUYỄN	1973	Son.
NGUYỄN KHẮC KHÔI SƠN	1974	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI PHONG	1982	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI HÙNG	1984	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

No.

ADDITIONAL INFORMATION :

- 1 ID. card (photo)
- 1 Release cert. (photo)

77 Gailcrest Circle
Thornhill Ont
L4J 5V5
CANADA

January 3 1990

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington VA 22205
USA

Dear Sir/Madam:

I am writing to you on behalf of my cousin, Mr. Tat Khac Nguyen, who is still living in Vietnam. In his recent letter to me, he asked me to forward his file to your office hoping that you can assist him and his family to immigrate to the United States of America.

Mr. Tat Nguyen was an officer in the Army of the Republic of Vietnam until he was captured by the North Vietnamese after the fall of South Vietnam in 1975. He was sent to a "re-education" camp until 1981. Enclosed please find his release document, which is unfortunately in Vietnamese.

You can write to him using the address shown in his file, or you can

send your letter to me and I will forward it to him. Hoping to hear from you in the near future, I remain

Yours truly,

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Phung K. Nguyen', with a long horizontal stroke extending to the right.

Phung K. Nguyen

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN KHẮC TẤT
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : February 25th 1944
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : xã Lạc An, h. Tân Uyên, t. SÔNG BÈ
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): Apr. 30th 1975 To (Den): May 28th 1981

PLACE OF RE-EDUCATION: the last camp: Xuân Phước - TUY HÒA
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Carpenter

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): No

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): captain

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Battery commander
53rd Arty. Bn + 5th Div. Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☐
IV Number (So ho so): ☐
No (Khong): ☒

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 115 Ngõ đừ Kê
q. Bình Thạnh. HỒ CHÍ MINH - SR. VIETNAM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

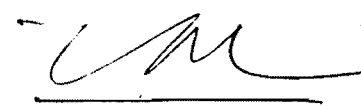
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)


Nguyễn Khắc Tất.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ HUỠNG	1953	wife
NGUYEN KHAC KHÔI NGUYỄN	1973	Son
NGUYEN KHAC KHÔI SƠN	1974	"
NGUYEN KHAC KHÔI PHONG	1982	"
NGUYỄN KHAC KHÔI HƯNG	1984	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

No

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- 1 I.D. Card (photo)
- 1. Release cert. (photo)

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN KHẮC TẤT
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : February 25th 1944
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : xã Lạc An, h. Tân Uyên, t. Sông Bé
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay không): Yes (Co) X No (Không) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): Apr. 30th 1975 To (Den): May 28th 1981
PLACE OF RE-EDUCATION: The last camp: Xuân Phước - TUY HÒA
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiệp): Carpenter
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): No
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Battery commander
53rd Arty. Bn. 5th Div. Date (nam): 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Không): X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi c
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 115 Ngõ đưê Kê
q. Bình Thạnh, tồ chí MINH, SR. VIETNAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)

J.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (Co): _____ No (Không): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he ve tu nhan tai VN): _____
NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua _____ ten don nay) _____
DATE: _____
Month (Thang) _____ Day _____ Year (Nam) _____

Nguyễn Khắc Tất
Nguyễn Khắc Tất.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP - PA.
LÊ THỊ HƯƠNG	1953	Wife
NGUYỄN KHẮC KHÔI NGUYỄN	1973	Son
NGUYỄN KHẮC KHÔI SƠN	1974	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI PHONG	1982	"
NGUYỄN KHẮC KHÔI HƯNG	1984	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

No.

ADDITIONAL INFORMATION :

- 1 I.D. CARD (photo)
- 1 Release cert. (photo)

BỘ NỘI VỤ
Trại : Xuân phước
Số : 393/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

005
m

0030.78.3848.2

SAY RA TRAI

Theo thông tư số: 966-Đ/TT ngày XI-5-1961 của bộ nội vụ
Thi hành quyết định của số: 20/CP ngày 8 tháng 4 năm 1961
Của : Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh chỉ có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : Nguyễn Khắc Tất
Họ và tên thường gọi :
Họ và tên bị đánh :
Sinh ngày 25 tháng 2 năm 1944
Nơi sinh : Bắc Giang
Nơi ĐKKT trước khi bị bắt : Trại Văn Thở , Bình Long
tỉnh : Sông Bè
Cấp tội : Đại lý pháp lý trưởng
Ngày bắt : 30/04/1975 an phạt : 03 năm TCT
Theo quyết định số : 201/CP ngày 8 tháng 12 năm 1978
Của : Bộ nội vụ
Đã bị tăng án ... lần cộng thành ... năm tháng
Đã được giảm án ... lần cộng thành ... năm tháng
Nay về cư trú tại : Xã Trại Văn Thở , Bình Long Sông Bè

NHÂN XÉT QUAN TRỌNG SAI TẠO

- Tư tưởng : Đã xác định được tại nơi chịu sự cải tạo
- Lao động : Có nhiều cố gắng đảm bảo ngày công cao
- Học tập : tiếp thu tốt
- Nội quy : Chấp hành nghiêm kỷ luật

Đã nghị UBND, công an các cấp sẵn có vào tình hình đặc điểm ở
địa phương, tính chất tội lỗi và thái độ cải tạo của đương sự mà
quy định nơi cư trú (quan chức khác cho thích hợp. Nhân tạo nội
điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống trở thành người công dân
lương thiện.

Ấn tay ngón trỏ phải :  Ngày 28 tháng 5 năm 1981
Của : Nguyễn Khắc Tất người được cấp giấy
Số bản số : 5615
Tân hiệp

Nguyễn Khắc Tất

CHẤM THỊ



BỘ NỘI VỤ
Trại : Xuân phước
Số : 393/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

0030.78.3848.2

GẤY RA TRẠI

Theo thông tư số : 131/TT ngày 11-5-1961 của bộ nội vụ
Thi hành quyết định của số : 20/CP ngày 8 tháng 4 năm 1961
của : Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : Nguyễn Khắc Tấn
Họ và tên thường gọi :
Họ và tên bí danh :
Sinh ngày 25 tháng 2 năm 1944
Nơi sinh : Sông Bung
Nơi ĐKKT trước khi bị bắt : Trại Văn Thở , Bình Long
tỉnh : Sông Bung
Cấp tội : Đại lý pháp luật trưởng
Ngày bắt : 30/04/1975
Theo quyết định số : 201/CP ngày 8 tháng 12 năm 1978
của : Bộ nội vụ
Đã bị tăng án ... lần cộng ... năm tháng
Đã được giảm án ... lần cộng ... năm tháng
Nay về cư trú tại : Xã Trại Văn Thở , Bình Long Sông Bung

NHÂN XÉT QUAN TRỌNG TẠI TẠO

-Tu tước : Đã xác định được tại nơi chịu sự chỉ tạo
-Lao động : Có nhiều công việc đảm bảo an ninh công tác
-Học tập : tiếp thu kiến thức
-Nội quy : Chấp hành nghiêm chỉnh vi phạm
Đã nghỉ UBND, công an các cấp cấp cho vào tỉnh bình đặc điểm ở
địa phương, tính chất tại nơi và thái độ giải tạo của đương sự mà
quy định nơi cư trú (quản lý) theo thích hợp. Nhân tạo tại
điều kiện cho đương sự làm việc bình thường và thành người công dân
lương thiện.

Lần tay ngón trỏ phải : Nguyễn Khắc Tấn ngày 28 tháng 5 năm 1981
Của : Nguyễn Khắc Tấn người được cấp giấy
Danh bản số : 5615
Tân hiệp

Nguyễn Khắc Tấn

GIAM THỊ

BO NOI VU
Trai : Xuân phước
Số : 393/GRT

~~CỘNG~~ HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

0030.78.3848.2

GAY RA TRAI

Theo thông tư số: 900-BCA/TT ngày 31-5-1961 của bộ nội vụ
Thi hành quyết định của số : 20/QĐ ngày 8 tháng 4 năm 1981
Của : Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh chỉ có tên sau đây :

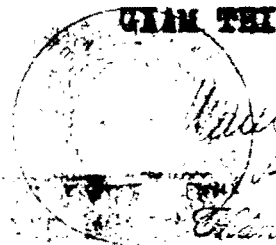
Họ và tên khai sinh : Nguyễn Khắc Tất
Họ và tên thường gọi :
Họ và tên bí danh :
Sinh ngày 25 tháng 2 năm 1944
Nơi sinh : Bắc Giang
Nơi ĐEN KẾT trước khi bị bắt : Trại Văn Tho, Bình Long
tỉnh : Sông Bè
Cán tội : Đại úy pháo 101, trưởng
Ngày bắt : 30/04/1975 an phát : 03 năm TTCT
Theo quyết định số : 201/QĐ ngày 8 tháng 12 năm 1978
Của : Bộ nội vụ
Đã bị tăng án ... lần cộng thành ... năm tháng
Đã được giảm án ... lần cộng thành ... năm tháng
Nay về cư trú tại : Xã Trại Văn Tho, Bình Long Sông Bè

NHÂN XÉT QUAN TRỌNG GAI TẠO

-Tu tước : Đã xác định được tại 101 chịu sự chỉ tạo
-Lao động : Có nhiều cố gắng đảm bảo nga công cao
-Học tập : tiếp thu tốt
-Nội quy : Chấp hành nghiêm ngặt vi phạm
Về nghị UBND, công an tạo cấp căn cứ vào tình hình đặc điểm ở
địa phương, tính chất tội 101 và thái độ gai tạo của đương sự mà
quy định nơi cư trú (quan chức khác cho thích hợp. Nhân tạo với
điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống trở thành người công dân
lương thiện.

Lên tay ngón trỏ phải : ... Ngày 28 tháng 5 năm 1981
Của : Nguyễn Khắc Tất người được cấp giấy
Danh bản số : 5615
Tân hiệp

Nguyễn Khắc Tất



BỘ NỘI VỤ
Trại : Xuân phúc
Số : 393/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

0030.78.3848.2

GAY RA TRAI

Theo thông tư số: 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của bộ nội vụ
Thi hành quyết định của số : 20/QĐ ngày 8 tháng 4 năm 1981
Của : Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh chỉ ở tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : Nguyễn Khắc Tất
Họ và tên thường gọi :
Họ và tên bí danh :
Sinh ngày 25 tháng 2 năm 1944
Nơi sinh : Bắc Giang
Nơi ĐEN KTT trước khi bị bắt : Trại Văn Thố , Bình Long
tỉnh : Sông Bô
Cán tội : Đại úy pháo đội trưởng
Ngày bắt : 30/04/1975 an phát : 03 năm TTCT
Theo quyết định số : 201/QĐ ngày 8 tháng 12 năm 1978
Của : Bộ nội vụ
Đã bị tống án ... lần công thành ... Năm tháng
Đã được giảm án ... lần công hành ... Năm tháng
Nay về cư trú tại : Xã Trại Văn Thố , Bình Long Sông Bô

NIÊN KẾT QUAN TRÌNH CẢI TẠO

-Tu tước : Đã xác định được tội lỗi chịu sự chỉ tạo
-Lao động : Có nhiều cố gắng đảm bảo nghĩa công cao
-Học tập : tiếp thu tốt
-Nội quy : Chấp hành nghiêm ngặt vi phạm
Đề nghị UBND, công an các cấp cần chú vào tình hình đặc điểm ở
địa phương, tính chất tội lỗi và thái độ cải tạo của đương sự mà
quy định nơi cư trú (quan chức khác cho thích hợp. Nhằm tạo mọi
điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống trở thành người công dân
lương thiện.

Lặn tay ngón trỏ phải : ... Ngày 27 tháng 5 năm 1981
Của : Nguyễn Khắc Tất người được cho giấy

Danh bản số : 5615
Tân hiệp

GIAM THI

Nguyễn Khắc Tất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỮ MÌNH NHÂN DÂN

Số: 280352191

Họ tên NGUYỄN-KHẮC-TẤT



Sinh ngày 25-02-1944

Nguyên quán

Bắc-Giang

Nơi thường trú Lạc-An

Tân-Uyên, Sông-Bé

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo thẳng lعم c 0,4 dưới đuôi mày trái	
		Ngày 18 tháng 11 năm 1981	
NGÓN TRỎ PHẢI		QU. KỸ GIẢM ĐỘC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG PHÒNG CSI	
			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CHỮ CÁI MINH NHÂN DÂN

Số: 230352191

Họ tên NGUYỄN-KHẮC-TÀI

Sinh ngày 25-02-1944

Nguyên quán

Bắc-Giang

Nơi thường trú Lạc-An

Tân-Uyên, Sông-Bé



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo thẳng lعم c 0,4 dưới đuôi mày trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 18 tháng 11 năm 1981	
		TRƯỞNG PHÒNG CS I	

Nguyễn Minh Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280352191

Họ tên NGUYỄN-KHẮC-TẮP

Sinh ngày 25-02-1944

Nguyên quán

Bắc-Giang

Nơi thường trú Lạc-An

Tân-Uyên, Sông-Bé



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo thẹo 1cm c 0,4 dưới đuôi mày trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 18 tháng 11 năm 1981	
		QU. KỸ CHẤM DỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG PHÒNG CSI <i>Nguyễn Minh Đức</i>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUÂN QUẢN MINH KHẨN ĐÀN

Số: 280352191

Họ tên NGUYỄN-KHẮC-TÀI

Sinh ngày 25-02-1944

Nguyên quán

Bắc-Giang

Nơi thường trú Lạc-An

Tân-Uyên, Sông-Bé

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo thẳng lẹm c 0,4 dưới đuôi mày trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 18 tháng 11 năm 1981	
		JUA KỸ GIẢM ĐỘC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG PHÒNG CSI <i>Nguyễn Minh Đức</i>	

P. Nguyen
77 Garlcrest Circle
Bromhill ont
L4J 5V5
Canada



Families of Vietnamese Political Prisoners
Association
P.O. Box 5435
Arlington VA 22205
USA



PA 205

C O N T R O L

____ Card
____ ✓ Doc. Request; Form 1/20/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter